

ĐỀ ÁN

**Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập
thuộc tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng cung ứng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030

a) Thực hiện đào tạo sau đại học cho ít nhất 1.100 viên chức (Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Thạc sĩ, Chuyên khoa I); nâng tỷ lệ viên chức có trình độ sau đại học từ 12,4% lên 17%.

b) Ít nhất 900 viên chức được đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tiếp nhận chuyển giao ít nhất 300 kỹ thuật từ tuyến trên thuộc các lĩnh vực: cấp cứu, nội soi, phẫu thuật, can thiệp tim mạch, điều trị ung thư, phục hồi chức năng...; ưu tiên tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật y tế chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên cho bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục 2, 5)

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế và các Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường.

2. Đối tượng áp dụng

Viên chức thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan (theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế) tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế và các Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp cho nhân viên y tế

- Hằng năm, Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện theo kế hoạch; trong đó ưu tiên cho đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn đại học, sau đại học chuyên ngành y tế và liên quan. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để viên chức tại tuyến y tế cơ sở được đào tạo đại học, sau đại học. Tăng cường đào tạo bác sĩ các chuyên khoa nhi, sản, hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, mắt, da liễu, phục hồi chức năng, lao, tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y...

- Các cơ sở y tế xây dựng kế hoạch, chương trình và hằng năm tổ chức đào tạo liên tục cho nhân viên y tế; tổ chức tập huấn cập nhật kịp thời các quy định chuyên môn cho nhân viên y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thực hiện chuẩn hóa trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành y tế theo đúng quy định của Bộ Y tế.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và thực hiện tốt các dự án trong lĩnh vực y tế để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên y tế tại các đơn vị.

2. Hỗ trợ nhân lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật để nâng cao chất lượng hoạt động của y tế các tuyến

- Hằng năm, các bệnh viện tuyến tỉnh có kế hoạch cử nhân lực hỗ trợ khám, chữa bệnh cho các Trung tâm y tế; các Trung tâm y tế cử viên chức đến các cơ sở y tế tuyến trên để học tập, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật; cử bác sĩ luân phiên làm việc hỗ trợ khám, chữa bệnh tại Trạm y tế xã, phường để đảm bảo chỉ tiêu Trạm y tế xã, phường có bác sĩ hoạt động.

- Khuyến khích, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên y tế thực hiện các đề tài nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật vào công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Sở Y tế, các bệnh viện tuyến tỉnh phối hợp với các bệnh viện tuyến trung ương, các hội y, dược học... tổ chức các hội nghị khoa học về y, dược trên địa bàn tỉnh để tạo cơ hội cho nhân viên y tế của tỉnh cập nhật kiến thức, thực hành y khoa tiên tiến trong nước và trên thế giới.

- Hằng năm, các đơn vị xây dựng đề án tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên, kế hoạch thực hiện dịch vụ chỉ đạo tuyến, nâng cao năng lực cho tuyến dưới và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc ủy quyền cho Sở Y tế) phê duyệt các Đề án chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến trên theo hệ thống chỉ đạo tuyến của Bộ Y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh, các Trung tâm y tế thuộc Sở Y tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí

Tổng kinh phí: 351.502 triệu đồng (*Ba trăm năm mươi một tỷ, năm trăm lẻ hai triệu đồng*); bao gồm:

a) Kinh phí đào tạo chuyên môn trình độ sau đại học: 323.251 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích đào tạo sau đại học theo định mức quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 127.847 triệu đồng;

- Đơn vị quản lý, sử dụng viên chức và viên chức được cử đi đào tạo chi trả học phí đào tạo sau đại học theo khả năng cân đối tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và quy định hiện hành: 195.404 triệu đồng.

b) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên về các cơ sở y tế tuyến tỉnh, các Trung tâm y tế thuộc tỉnh: 28.251 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3, 4, 5)

2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh);

b) Nguồn kinh phí khác, gồm:

- Kinh phí của đơn vị quản lý, sử dụng viên chức;
- Đóng góp của viên chức;
- Nguồn viện trợ, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

a) Bố trí kinh phí thực hiện các Đề án chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên về các cơ sở y tế tuyến tỉnh, các Trung tâm y tế do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế phê duyệt).

b) Bố trí kinh phí thực hiện dịch vụ chỉ đạo tuyến, nâng cao năng lực cho tuyến dưới cho các đơn vị thuộc tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Bố trí kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường để thực hiện chi hỗ trợ đào tạo sau đại học cho viên chức theo định mức quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

Việc bố trí kinh phí căn cứ trên số lượng viên chức thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Định mức chi từ ngân sách nhà nước: thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do Trung ương và địa phương quy định liên quan việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và chính sách trợ cấp đối với cán bộ,

công chức, viên chức được cử đi đào tạo và một số quy định khác có liên quan đã có hiệu lực thi hành và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh.

d) Viên chức được cử đi đào tạo sau đại học theo Đề án này phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian gấp 02 lần thời gian đào tạo; nếu vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì phải chịu trách nhiệm đền bù chi phí đào tạo đã được hỗ trợ theo Đề án, cụ thể:

- Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp: đền bù 100% chi phí hỗ trợ đào tạo.

- Đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết: chi phí đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- + S là chi phí đền bù;
- + F là tổng chi phí do đơn vị cử viên chức đi đào tạo chi hỗ trợ theo quy định của Đề án cho người tham gia khóa đào tạo;
- + T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn;
- + T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

đ) Viên chức nếu thuộc đối tượng được hưởng từ hai chính sách đào tạo trở lên thì chỉ được hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

e) Quy trình lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan./.

Phụ lục 1
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA VIÊN CHỨC TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH GIA LAI NĂM 2025

(Kèm theo Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh giai đoạn 2026 - 2030)

TT	Chuyên môn	Tiến sĩ/CK2		Thạc sĩ/CK1		Đại học		Cao đẳng		Trung học		Cộng	Cơ cấu theo chuyên môn (%)
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%		
1	Bác sĩ	169	8,6	773	39,4	1.018	51,9					1.960	19,9
2	Dược sĩ			65	9,3	222	31,8	379	54,3	32	4,6	698	7,1
3	Điều dưỡng			46	1,3	1.864	52,9	1.481	42,0	133	3,8	3.524	35,7
4	Hộ sinh					364	42,9	394	46,5	90	10,6	848	8,6
5	Kỹ thuật y	1	0,1	41	5,6	443	60,7	209	28,6	36	4,9	730	7,4
6	Y tế công cộng	2	0,8	32	13,3	206	85,8					240	2,4
7	Y sĩ							5	0,7	677	99,3	682	6,9
8	Chuyên ngành y tế khác			12	3,2	187	50,4	167	45,0	5	1,3	371	3,8
9	Chuyên môn khác			78	9,7	632	78,5	41	5,1	54	6,7	805	8,2
	Cộng	172	1,7	1.047	10,6	4.936	50,1	2.676	27,1	1.027	10,4	9.858	100,0

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh giai đoạn 2026 - 2030)

TT	Chuyên môn	Nhu cầu đào tạo đến năm 2030					
		Tổng số	2026	2027	2028	2029	2030
*	Tổng số	1.134	237	256	238	200	203
**	Thạc sĩ/CKI	964	211	226	197	170	160
***	Tiến sĩ/CKII	170	26	30	41	30	43
I	Bác sĩ	831	168	183	182	151	147
1	Thạc sĩ/CKI	667	145	153	142	121	106
2	Tiến sĩ/CKII	164	23	30	40	30	41
II	Dược sĩ	60	20	12	11	8	9
1	Thạc sĩ/CKI	55	17	12	10	8	8
2	Tiến sĩ/CKII	5	3		1		1
III	Điều dưỡng	148	35	37	27	26	23
1	Thạc sĩ/CKI	148	35	37	27	26	23
IV	Hộ sinh	23	4	7	3	5	4
1	Thạc sĩ/CKI	23	4	7	3	5	4
V	Kỹ thuật y	47	6	7	12	5	17
1	Thạc sĩ/CKI	46	6	7	12	5	16
2	CKII	1					1
VI	Dinh dưỡng	2		1	1		0
1	Thạc sĩ/CKI	2		1	1		0
VII	Y tế công cộng	23	4	9	2	5	3
1	Thạc sĩ/CKI	23	4	9	2	5	3

Phụ lục 3
DỰ KIẾN ĐỊNH MỨC KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
CHO VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ VÀ LIÊN QUAN

(Kèm theo Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh giai đoạn 2026 - 2030)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chuyên môn	Mức lương cơ sở	Số tháng đào tạo	Học phí	Lệ phí thi tuyển, tài liệu học tập giáo trình và các khoản chi phí khác cho một khóa đào tạo		Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ hằng tháng		Hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung		Hỗ trợ chi phí đi lại			Tổng các khoản hỗ trợ (chưa bao gồm học phí)	Tổng chi phí đào tạo (gồm hỗ trợ và học phí)	Chi hỗ trợ viên chức là nữ (dự kiến 567 người), là người dân tộc thiểu số (dự kiến 113 người)		
					Hệ số	Thành tiền	Định mức	Thành tiền	Định mức	Thành tiền	Số lượt	Định mức	Thành tiền			Hệ số	Số người	Thành tiền
A	B	1	2	3	4	5=1*4	6	7=2*6	8	9=2*8	10	11	12=10*11	13=5+7+9+12	14=3+13	15	16	17=1*2*15*16
1	Tiến sĩ	2,53	30	283	6	15,2	2,50	75,00	1,50	45,00	18,0	1,0	18,0	154	437	0,4	2	61
2	Chuyên khoa II	2,53	20	201	4	10,1	2,50	50,00	1,50	30,00	12,0	1,0	12,0	103	304	0,4	100	2.024
3	Thạc sĩ/ Chuyên khoa I	2,53	20	167	3	7,6	2,50	50,00	1,50	30,00	12,0	1,0	12,0	100	267	0,4	578	11.699

Phụ lục 4

**KẾ HOẠCH VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
CHO VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ VÀ LIÊN QUAN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh giai đoạn 2026 - 2030)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chuyên môn	Tổng số người được đào tạo	Số người đào tạo bình quân/năm	Học phí/khóa học	Kinh phí hỗ trợ (chưa gồm học phí)/khóa học	Tổng học phí	Tổng kinh phí hỗ trợ (chưa bao gồm học phí)	Chi hỗ trợ viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số		Ước tính kinh phí		Nguồn kinh phí	
								Số lượng	Thành tiền	Tổng kinh phí	Kinh phí/năm	Ngân sách tỉnh	Đơn vị, cá nhân
A	B	1	2	3	4	5=1*3	6=1*4	7	8	9=5+6+8	10	11=6+8	12=5
1	Tiến sĩ	3	1	283	154	849	462	2	61	1.372	274	523	849
2	Chuyên khoa II	167	33	201	103	33.567	17.201	100	2.024	52.792	10.558	19.225	33.567
3	Thạc sĩ/ Chuyên khoa I	964	193	167	100	160.988	96.400	578	11.699	269.087	53.817	108.099	160.988
	Tổng	1.134	227		357	195.404	114.063	680	13.784	323.251	64.650	127.847	195.404

*** Ghi chú:** dự kiến có 567 viên chức là nữ và 113 người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo.

Phụ lục 5
KẾ HOẠCH VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐÀO TẠO, TIẾP NHẬN CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT
TỪ CÁC BỆNH VIỆN TUYỂN TRÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh giai đoạn 2026 - 2030)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Đơn vị	Số người được đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật					Ước tính kinh phí					Kinh phí đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030		
	TỔNG CỘNG	162	204	197	191	196	3.854	5.382	5.788	6.195	7.032	28.251	
1	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	123	127	131	133	139	2.422	2.906	3.488	4.185	5.022	18.023	
2	Bệnh viện Đa khoa Gia Lai	30	45	45	50	50	1.000	1.500	1.500	1.660	1.660	7.320	
3	Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn	3	8	3	2		132	276	234	50		692	
4	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	6	24	18	6	7	300	700	566	300	350	2.216	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 348/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế
tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 1008/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-VHXXH ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030 với một số nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu chung

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng cung ứng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Thực hiện đào tạo sau đại học cho ít nhất 1.100 viên chức (Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Thạc sĩ, Chuyên khoa I); nâng tỷ lệ viên chức có trình độ sau đại học từ 12,4% lên 17%.

b) Ít nhất 900 viên chức được đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tiếp nhận chuyển giao ít nhất 300 kỹ thuật từ tuyến trên thuộc các lĩnh vực: cấp cứu, nội soi, phẫu thuật, can thiệp tim mạch, điều trị ung thư, phục hồi chức năng...; ưu tiên tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật y tế chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên cho bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh.

3. Tổng kinh phí: 156.098 triệu đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ, không trăm chín mươi tám triệu đồng*); bao gồm:

a) Hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo chuyên môn trình độ sau đại học theo Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai: 127.847 triệu đồng.

b) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên về các cơ sở y tế tuyến tỉnh, Trung tâm y tế thuộc tỉnh: 28.251 triệu đồng.

(Kèm theo Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030)

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được cử đi đào tạo theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Đề án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh đến năm 2025 được hỗ trợ theo Nghị quyết nêu trên cho đến khi hoàn thành khóa đào tạo và không thuộc đối tượng hỗ trợ kinh phí đào tạo theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung